

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 3998 /UBND-KSTT

V/v kết nối với Hệ thống Đăng ký,  
giải quyết chính sách trợ giúp xã  
hội trực tuyến

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 25 tháng 5 năm 2023

Kính gửi:

- Các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội,  
Thông tin và Truyền Thông;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

Thực hiện Công văn số 1850/LĐTBXH-BTXH ngày 22/5/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đôn đốc hoàn thành thực hiện kết nối Cổng dịch vụ công/ Hệ thống Thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh với Hệ thống phần mềm Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và cập nhật cơ sở dữ liệu về trợ giúp xã hội (Có bản sao gửi kèm theo), Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Lê Hồng Vinh có ý kiến như sau:

1. Đối với nội dung triển khai thực hiện việc kết nối Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh với Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến theo văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

Nội dung này đã được UBND tỉnh giao triển khai tại các Công văn số 9666/UBND-KSTT ngày 06/12/2022 và 1035/UBND-KSTT ngày 21/02/2023. Yêu cầu Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Cổng Thông tin điện tử tỉnh khẩn trương rà soát, thực hiện theo yêu cầu, tiến độ của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan triển khai các nội dung khác tại Công văn số 1850/LĐTBXH-BTXH ngày 22/5/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo yêu cầu./\*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Phó CVP TT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT. *g*

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Đào Quang Thiên**

Số: 1850/LĐTBXH-BTXH

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2023

V/v hoàn thành việc kết nối Công dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh với Hệ thống phần mềm Đăng ký, giải quyết chính sách TGXH trực tuyến và cập nhật cơ sở dữ liệu đối tượng BTXH

Kính gửi: Đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân  
các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành một số văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai việc kết nối Công dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh với Hệ thống phần mềm dịch vụ công “Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến” và đơn đốc thực hiện kết nối hai hệ thống nêu trên, yêu cầu hoàn thành trước ngày 30/3/2023 (văn bản số 4946/LĐTBXH-BTXH ngày 01/12/2022 và văn bản số 342/LĐTBXH-BTXH ngày 10/02/2023). Tuy nhiên, đến nay vẫn còn một số địa phương chưa thực hiện kết nối, chưa cập nhật đầy đủ, định kỳ thông tin đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng chính sách (Chi tiết có phụ lục số 1, 2 kèm theo).

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm, chỉ đạo quyết liệt hoàn thành việc kết nối phần mềm dịch vụ công “Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến” và Hệ thống dịch vụ công một cửa điện tử cấp tỉnh **trước ngày 31/5/2023** và chỉ đạo các cơ quan liên quan, địa phương cập nhật đầy đủ, định kỳ hàng tháng cơ sở dữ liệu bảo trợ xã hội; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 10/6/2023 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Chi tiết liên hệ: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội, Đ/c Nguyễn Thủy Nguyên, ĐT: 0984143288, Email: nguyennnt@molisa.gov.vn)/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Văn Hồi (để biết);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Cục Chuyển đổi số Quốc gia-Bộ TTTT, C06-Bộ CA, Trung tâm Thông tin-Bộ LĐTBXH (để phối hợp);
- Lưu: VT, BTXH.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Bá Hoan



Phụ lục số 1

PHẠM HÌNH KẾT NỐI DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN\*

(Kèm theo Công văn số 1850/LĐTBXH-BTXH ngày 22/5/2023 của Bộ LĐTBXH)

| TT | Các địa phương đã hoàn thành | Các địa phương chưa hoàn thành |
|----|------------------------------|--------------------------------|
| 1  | An Giang                     | Bà Rịa - Vũng Tàu              |
| 2  | Bắc Giang                    | Bắc Kạn                        |
| 3  | Cà Mau                       | Bạc Liêu                       |
| 4  | Cần Thơ                      | Bắc Ninh                       |
| 5  | Đà Nẵng                      | Bến Tre                        |
| 6  | Điện Biên                    | Bình Định                      |
| 7  | Đồng Tháp                    | Bình Dương                     |
| 8  | Gia Lai                      | Bình Phước                     |
| 9  | Hà Nam                       | Bình Thuận                     |
| 10 | Hà Tĩnh                      | Cao Bằng                       |
| 11 | Hải Dương                    | Đắk Lắk                        |
| 12 | Hải Phòng                    | Đắk Nông                       |
| 13 | Hậu Giang                    | Đồng Nai                       |
| 14 | Hòa Bình                     | Hà Giang                       |
| 15 | Hưng Yên                     | Hà Nội                         |
| 16 | Kon Tum                      | Khánh Hòa                      |
| 17 | Lào Cai                      | Kiên Giang                     |
| 18 | Lạng Sơn                     | Lai Châu                       |
| 19 | Lâm Đồng                     | Ninh Bình                      |
| 20 | Long An                      | Phú Yên                        |
| 21 | Nam Định                     | Quảng Bình                     |
| 22 | Nghệ An                      | Thái Bình                      |
| 23 | Ninh Thuận                   | Thừa Thiên Huế                 |
| 24 | Phú Thọ                      | Tiền Giang                     |
| 25 | Quảng Nam                    | TP. Hồ Chí Minh                |
| 26 | Quảng Ninh                   | Tuyên Quang                    |
| 27 | Quảng Ngãi                   | Vĩnh Long                      |
| 28 | Quảng Trị                    | Vĩnh Phúc                      |
| 29 | Sóc Trăng                    |                                |
| 30 | Sơn La                       |                                |
| 31 | Tây Ninh                     |                                |
| 32 | Thái Nguyên                  |                                |
| 33 | Thanh Hóa                    |                                |
| 34 | Trà Vinh                     |                                |
| 35 | Yên Bái                      |                                |

\*Cập nhật đến ngày 22/5/2023.

**Phụ lục số 2**

**DANH SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CHƯA CẬP NHẬT CSDL ĐỐI TƯỢNG BTXH\***

(Kèm theo Công văn số /LĐTBXH-BTXH ngày /5/2023 của Bộ LĐTBXH)

| STT | Tỉnh, thành phố | Tên địa phương       |
|-----|-----------------|----------------------|
| 1   | Hà Nội          | Huyện Đông Anh       |
| 2   |                 | Huyện Phúc Thọ       |
| 3   |                 | Huyện Thạch Thất     |
| 4   | Hà Giang        | Huyện Mèo Vạc        |
| 5   |                 | Huyện Yên Minh       |
| 6   |                 | Huyện Bắc Mê         |
| 7   | Cao Bằng        | Thành phố Cao Bằng   |
| 8   |                 | Huyện Hà Quảng       |
| 9   | Bắc Kạn         | Huyện Ba Bể          |
| 10  |                 | Huyện Ngân Sơn       |
| 11  |                 | Huyện Bạch Thông     |
| 12  |                 | Huyện Na Rì          |
| 13  | Lào Cai         | Thành phố Lào Cai    |
| 14  |                 | Huyện Bát Xát        |
| 15  |                 | Huyện Mường Khương   |
| 16  |                 | Huyện Si Ma Cai      |
| 17  |                 | Huyện Bắc Hà         |
| 18  |                 | Huyện Bảo Thắng      |
| 19  |                 | Thị xã Sa Pa         |
| 20  |                 | Huyện Văn Bàn        |
| 21  | Điện Biên       | Huyện Mường Nhé      |
| 22  |                 | Huyện Tủa Chùa       |
| 23  |                 | Huyện Tuần Giáo      |
| 24  |                 | Huyện Nậm Pồ         |
| 25  |                 | Huyện Điện Biên Đông |
| 26  |                 | Thị Xã Mường Lay     |
| 27  | Lai Châu        | Thành phố Lai Châu   |
| 28  |                 | Huyện Tam Đường      |
| 29  |                 | Huyện Mường Tè       |
| 30  |                 | Huyện Phong Thổ      |
| 31  |                 | Huyện Than Uyên      |
| 32  |                 | Huyện Tân Uyên       |
| 33  |                 | Huyện Nậm Nhùn       |
| 34  | Sơn La          | Thành phố Sơn La     |
| 35  |                 | Huyện Quỳnh Nhai     |
| 36  |                 | Huyện Thuận Châu     |
| 37  |                 | Huyện Mường La       |
| 38  |                 | Huyện Bắc Yên        |
| 39  |                 | Huyện Yên Châu       |
| 40  |                 | Huyện Mai Sơn        |
| 41  |                 | Huyện Vân Hồ         |

\* Chỉ tính các địa phương chưa lập danh sách chi trả 3 tháng 3,4,5/2023

| STT | Tỉnh, thành phố | Tên địa phương        |
|-----|-----------------|-----------------------|
| 42  | Hoà Bình        | Huyện Kỳ Sơn          |
| 43  | Thái Nguyên     | Thành phố Thái Nguyên |
| 44  |                 | Huyện Định Hóa        |
| 45  |                 | Huyện Phú Lương       |
| 46  |                 | Huyện Đồng Hỷ         |
| 47  |                 | Thành phố Phô Yên     |
| 48  |                 | Huyện Phú Bình        |
| 49  | Lạng Sơn        | Thành phố Lạng Sơn    |
| 50  |                 | Huyện Tràng Định      |
| 51  |                 | Huyện Bình Gia        |
| 52  |                 | Huyện Văn Lãng        |
| 53  |                 | Huyện Cao Lộc         |
| 54  |                 | Huyện Văn Quan        |
| 55  |                 | Huyện Chi Lăng        |
| 56  |                 | Huyện Lộc Bình        |
| 57  | Quảng Ninh      | Thành phố Móng Cái    |
| 58  |                 | Thành phố Cẩm Phả     |
| 59  |                 | Thành phố Uông Bí     |
| 60  |                 | Huyện Bình Liêu       |
| 61  |                 | Huyện Tiên Yên        |
| 62  |                 | Huyện Vân Đồn         |
| 63  |                 | Huyện Hoành Bồ        |
| 64  | Bắc Giang       | Thành phố Bắc Giang   |
| 65  |                 | Huyện Yên Dũng        |
| 66  | Phú Thọ         | Huyện Phù Ninh        |
| 67  | Vĩnh Phúc       | Huyện Tam Dương       |
| 68  |                 | Huyện Vĩnh Tường      |
| 69  | Bắc Ninh        | Thành Phố Bắc Ninh    |
| 70  |                 | Huyện Quế Võ          |
| 71  |                 | Huyện Tiên Du         |
| 72  |                 | Thành phố Từ Sơn      |
| 73  |                 | Huyện Thuận Thành     |
| 74  | Hải Dương       | Thị xã Kinh Môn       |
| 75  |                 | Huyện Cẩm Giàng       |
| 76  |                 | Huyện Bình Giang      |
| 77  |                 | Huyện Tứ Kỳ           |
| 78  | Hải Phòng       | Quận Hồng Bàng        |
| 79  |                 | Quận Đồ Sơn           |
| 80  |                 | Huyện Thủy Nguyên     |
| 81  |                 | Huyện An Dương        |
| 82  |                 | Huyện An Lão          |
| 83  |                 | Huyện Kiến Thụy       |
| 84  |                 | Huyện Tiên Lãng       |

| STT | Tỉnh, thành phố | Tên địa phương     |
|-----|-----------------|--------------------|
| 85  | Hưng Yên        | Huyện Ân Thi       |
| 86  |                 | Huyện Khoái Châu   |
| 87  | Hà Nam          | Thành phố Phủ Lý   |
| 88  |                 | Thị xã Duy Tiên    |
| 89  |                 | Huyện Kim Bảng     |
| 90  |                 | Huyện Thanh Liêm   |
| 91  |                 | Huyện Bình Lục     |
| 92  |                 | Huyện Lý Nhân      |
| 93  | Nam Định        | Thành phố Nam Định |
| 94  |                 | Huyện Nam Trực     |
| 95  |                 | Huyện Giao Thủy    |
| 96  | Ninh Bình       | Huyện Kim Sơn      |
| 97  | Thanh Hóa       | Huyện Ngọc Lặc     |
| 98  |                 | Huyện Yên Định     |
| 99  |                 | Huyện Thiệu Hóa    |
| 100 | Nghệ An         | Thành phố Vinh     |
| 101 |                 | Thị xã Thái Hoà    |
| 102 |                 | Huyện Quế Phong    |
| 103 |                 | Huyện Quỳnh Châu   |
| 104 |                 | Huyện Kỳ Sơn       |
| 105 |                 | Huyện Tương Dương  |
| 106 |                 | Huyện Nghĩa Đàn    |
| 107 |                 | Huyện Quỳnh Hợp    |
| 108 |                 | Huyện Quỳnh Lưu    |
| 109 |                 | Huyện Con Cuông    |
| 110 |                 | Huyện Tân Kỳ       |
| 111 |                 | Huyện Anh Sơn      |
| 112 |                 | Huyện Diễn Châu    |
| 113 |                 | Huyện Yên Thành    |
| 114 |                 | Huyện Đô Lương     |
| 115 |                 | Huyện Thanh Chương |
| 116 |                 | Huyện Nghi Lộc     |
| 117 |                 | Huyện Nam Đàn      |
| 118 |                 | Huyện Hưng Nguyên  |
| 119 |                 | Thị xã Hoàng Mai   |
| 120 | Quảng Bình      | Huyện Minh Hóa     |
| 121 |                 | Huyện Tuyên Hóa    |
| 122 |                 | Huyện Quảng Trạch  |
| 123 |                 | Huyện Bố Trạch     |
| 124 | Thừa Thiên Huế  | Huyện Phong Điền   |
| 125 |                 | Huyện Quảng Điền   |
| 126 |                 | Thị xã Hương Thủy  |
| 127 |                 | Huyện Phú Lộc      |
| 128 |                 | Huyện Nam Đông     |

| STT | Tỉnh, thành phố | Tên địa phương      |
|-----|-----------------|---------------------|
| 129 | Đà Nẵng         | Quận Hải Châu       |
| 130 |                 | Quận Ngũ Hành Sơn   |
| 131 |                 | Quận Cẩm Lệ         |
| 132 |                 | Huyện Hòa Vang      |
| 133 | Quảng Nam       | Huyện Tây Giang     |
| 134 | Phú Yên         | Thị xã Sông Cầu     |
| 135 |                 | Huyện Đồng Xuân     |
| 136 | Khánh Hòa       | Thành phố Nha Trang |
| 137 |                 | Thành phố Cam Ranh  |
| 138 |                 | Huyện Khánh Sơn     |
| 139 | Ninh Thuận      | Huyện Ninh Sơn      |
| 140 |                 | Huyện Thuận Nam     |
| 141 | Bình Thuận      | Huyện Tuy Phong     |
| 142 | Kon Tum         | Huyện Ia H' Drai    |
| 143 |                 | Thành phố Kon Tum   |
| 144 |                 | Huyện Đắk Glei      |
| 145 |                 | Huyện Ngọc Hồi      |
| 146 |                 | Huyện Đắk Tô        |
| 147 |                 | Huyện Kon Plông     |
| 148 |                 | Huyện Kon Rẫy       |
| 149 |                 | Huyện Đắk Hà        |
| 150 |                 | Huyện Sa Thầy       |
| 151 |                 | Huyện Tu Mơ Rông    |
| 152 | Gia Lai         | Huyện Ia Grai       |
| 153 |                 | Huyện Ia Pa         |
| 154 | Đắk Lắk         | Huyện Ea Súp        |
| 155 |                 | Huyện Krông Năng    |
| 156 |                 | Huyện Lắk           |
| 157 | Đắk Nông        | Huyện Cư Jút        |
| 158 |                 | Huyện Đắk Mil       |
| 159 |                 | Huyện Đắk Song      |
| 160 |                 | Huyện Đắk R'Lấp     |
| 161 |                 | Huyện Tuy Đức       |
| 162 | Lâm Đồng        | Thành phố Bảo Lộc   |
| 163 |                 | Huyện Lâm Hà        |
| 164 | Bình Phước      | Thị xã Phước Long   |
| 165 |                 | Thành phố Đồng Xoài |
| 166 |                 | Thị xã Bình Long    |
| 167 |                 | Huyện Bù Gia Mập    |
| 168 |                 | Huyện Lộc Ninh      |
| 169 |                 | Huyện Bù Đốp        |
| 170 |                 | Huyện Đồng Phú      |
| 171 |                 | Huyện Bù Đăng       |

| STT | Tỉnh, thành phố   | Tên địa phương        |
|-----|-------------------|-----------------------|
| 172 | Tây Ninh          | Huyện Tân Biên        |
| 173 |                   | Huyện Tân Châu        |
| 174 |                   | Huyện Dương Minh Châu |
| 175 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Thành phố Bà Rịa      |
| 176 |                   | Huyện Châu Đức        |
| 177 |                   | Huyện Xuyên Mộc       |
| 178 |                   | Huyện Long Điền       |
| 179 |                   | Huyện Đất Đỏ          |
| 180 |                   | Thị Xã Phú Mỹ         |
| 181 | Hồ Chí Minh       | Quận 12               |
| 182 |                   | Quận Bình Thạnh       |
| 183 |                   | Thành phố Thủ Đức     |
| 184 |                   | Quận 10               |
| 185 |                   | Quận 5                |
| 186 | Long An           | Huyện Thanh Hóa       |
| 187 |                   | Huyện Đức Huệ         |
| 188 |                   | Huyện Đức Hòa         |
| 189 |                   | Huyện Châu Thành      |
| 190 | Tiền Giang        | Huyện Tân Phước       |
| 191 |                   | Huyện Cái Bè          |
| 192 |                   | Huyện Châu Thành      |
| 193 | Bến Tre           | Huyện Chợ Lách        |
| 194 |                   | Huyện Mỏ Cày Bắc      |
| 195 | Vĩnh Long         | Huyện Bình Tân        |
| 196 | Đồng Tháp         | Huyện Tân Hồng        |
| 197 | Cần Thơ           | Quận Ninh Kiều        |
| 198 |                   | Huyện Thới Lai        |
| 199 | Sóc Trăng         | Huyện Châu Thành      |
| 200 |                   | Huyện Kế Sách         |
| 201 |                   | Huyện Mỹ Tú           |
| 202 |                   | Huyện Cù Lao Dung     |
| 203 |                   | Huyện Long Phú        |
| 204 |                   | Thị xã Ngã Năm        |
| 205 |                   | Huyện Thạnh Trị       |
| 206 |                   | Thị xã Vĩnh Châu      |
| 207 |                   | Huyện Trần Đề         |
| 208 | Bạc Liêu          | Huyện Phước Long      |
| 209 |                   | Thị xã Giá Rai        |
| 210 | Cà Mau            | Huyện Thới Bình       |
| 211 |                   | Huyện Trần Văn Thời   |
| 212 |                   | Huyện Cái Nước        |